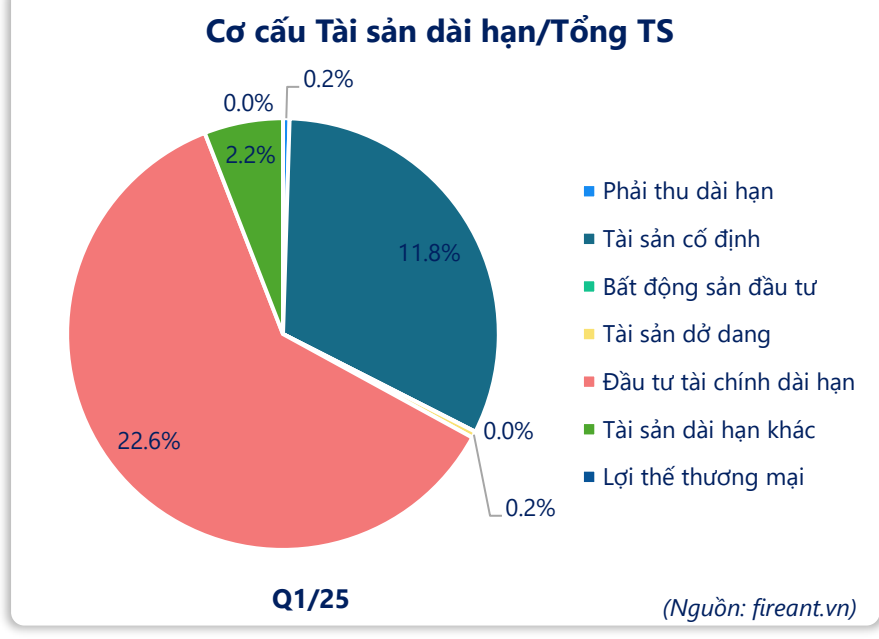
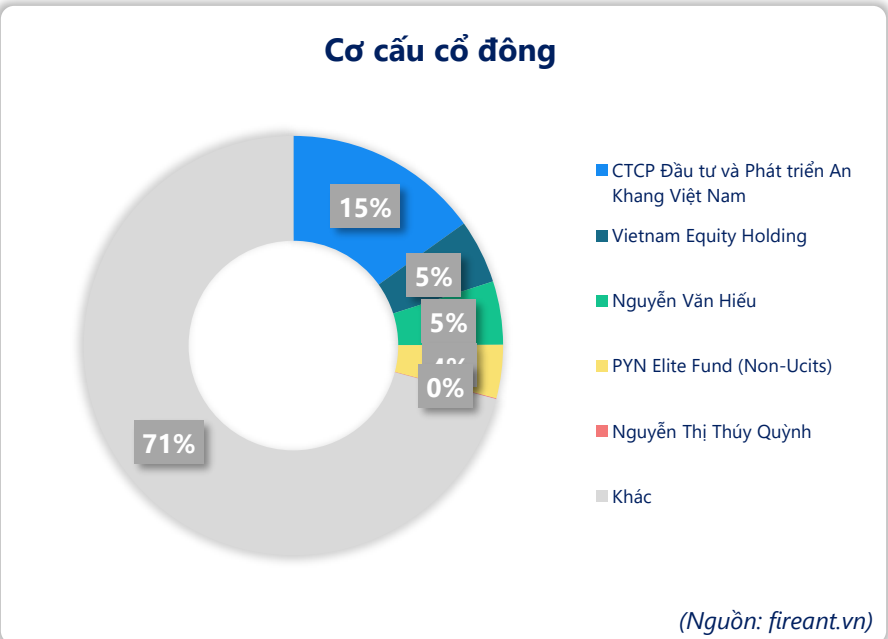
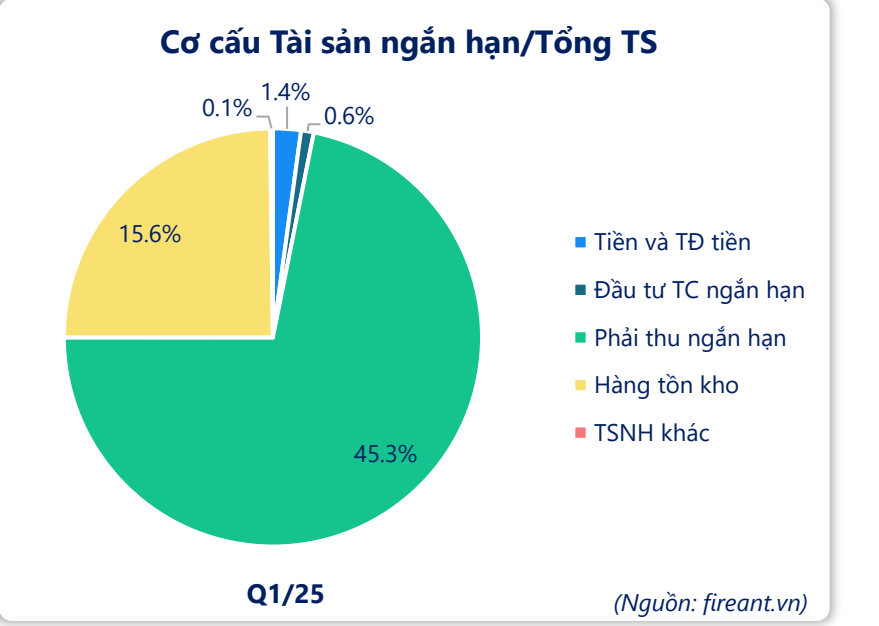
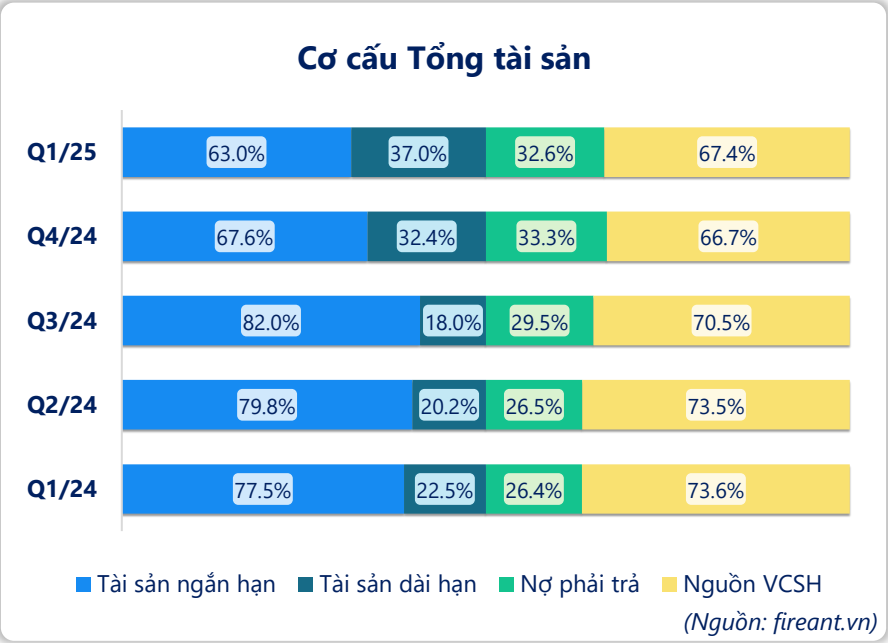
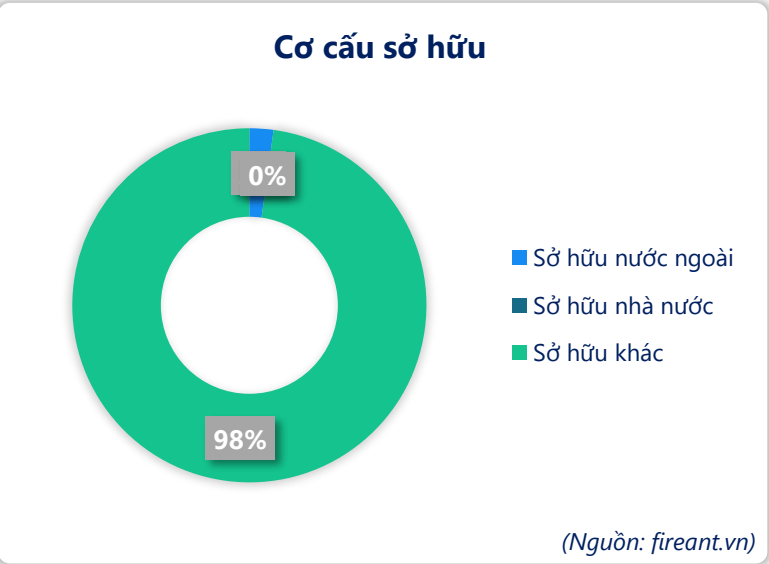
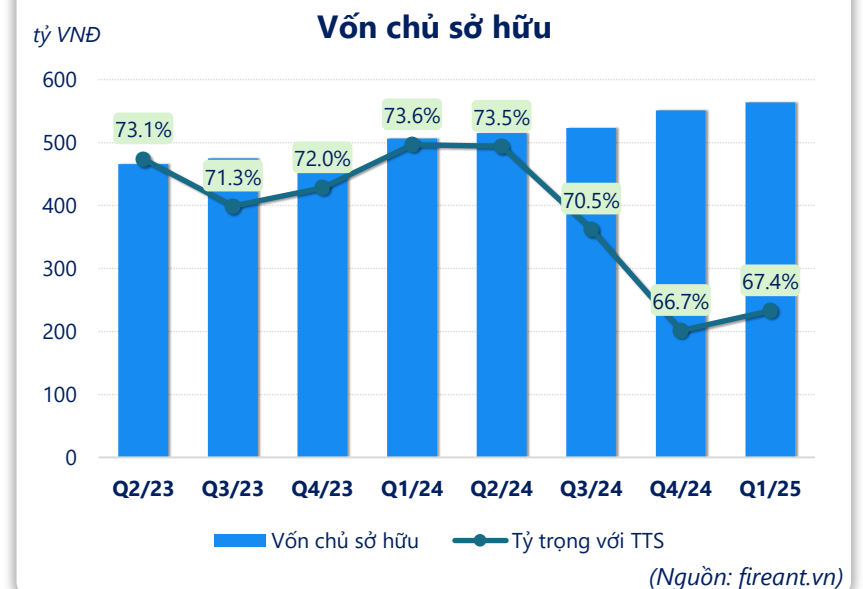
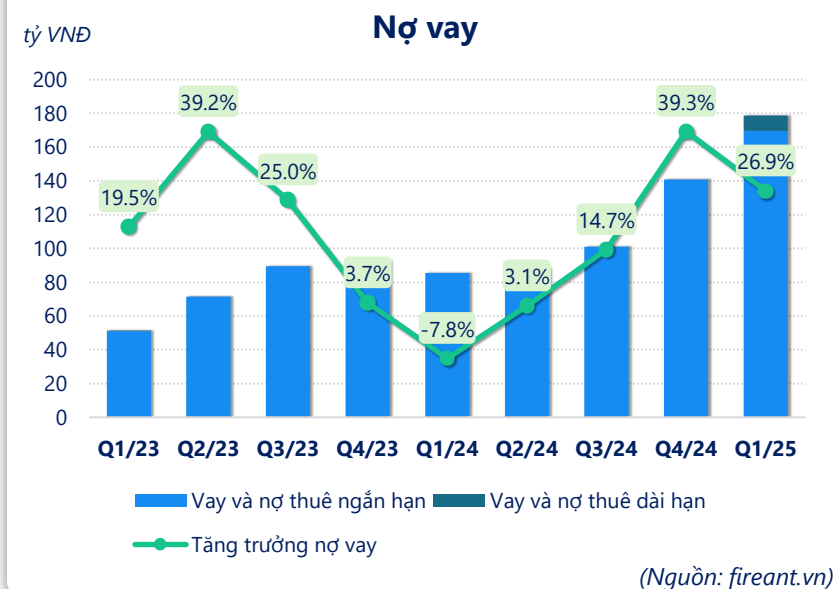
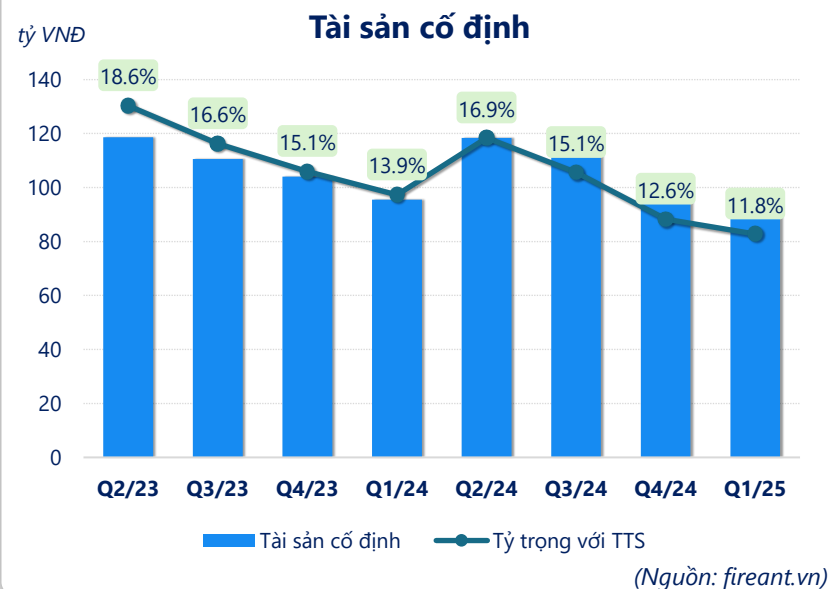
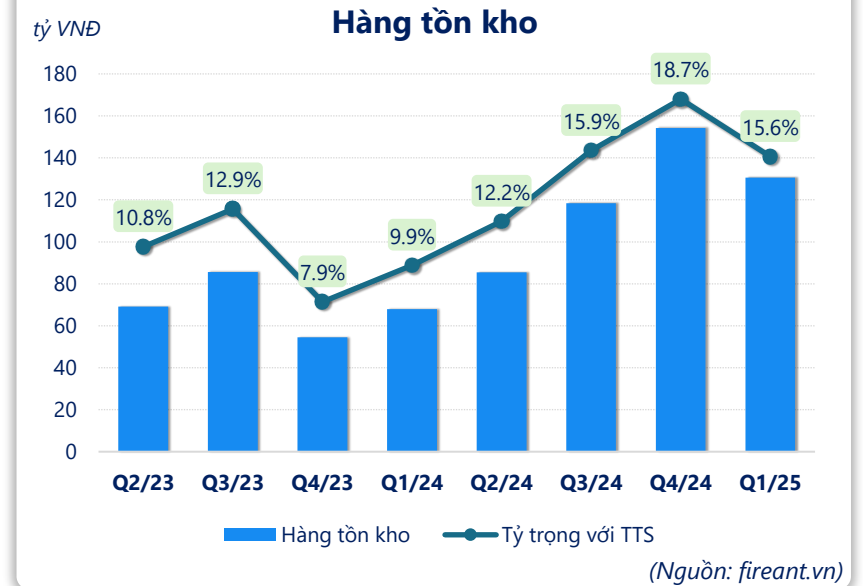
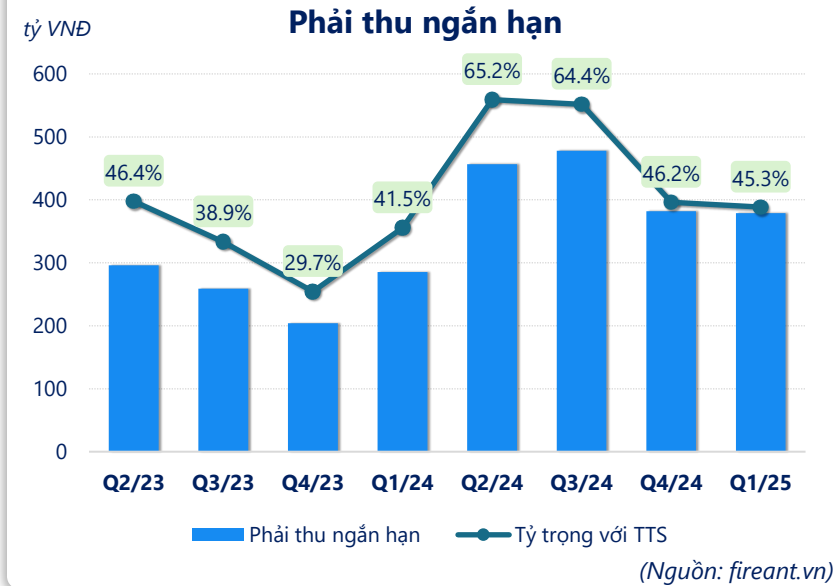
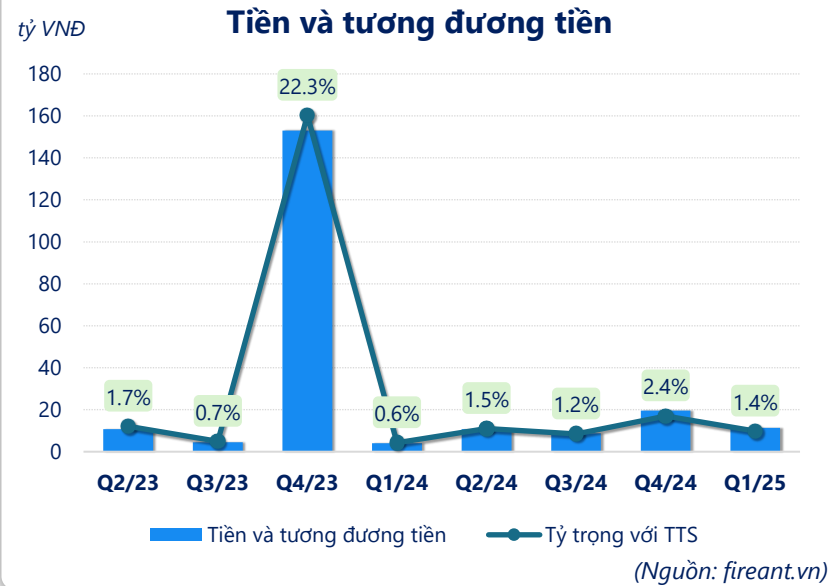
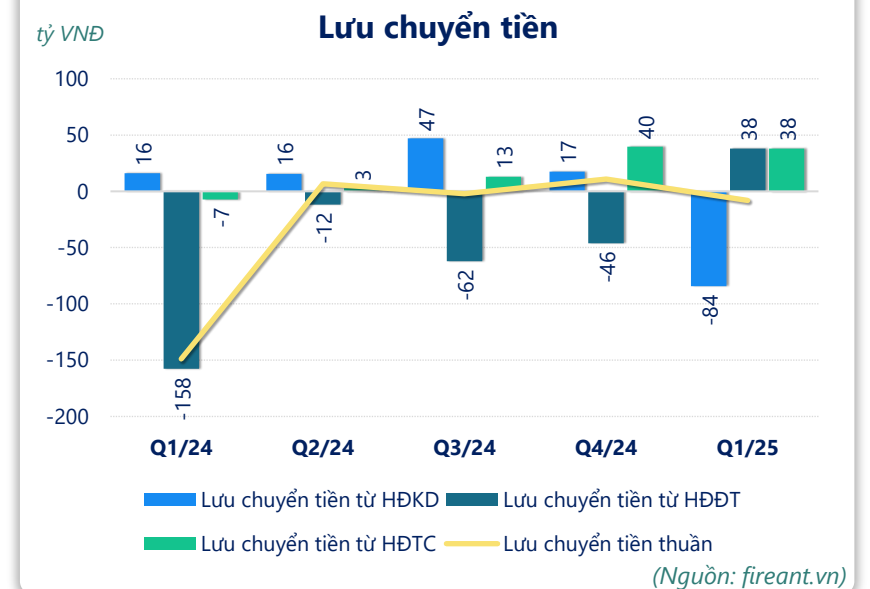
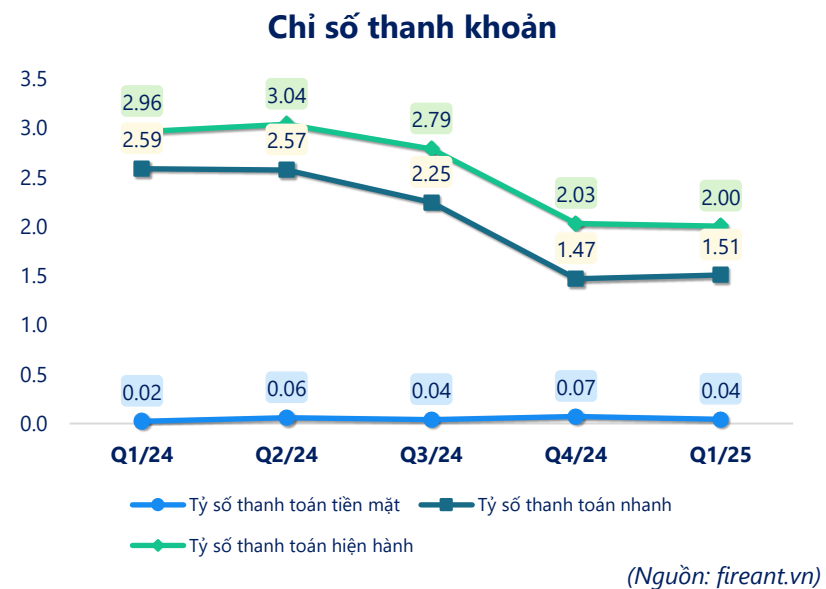
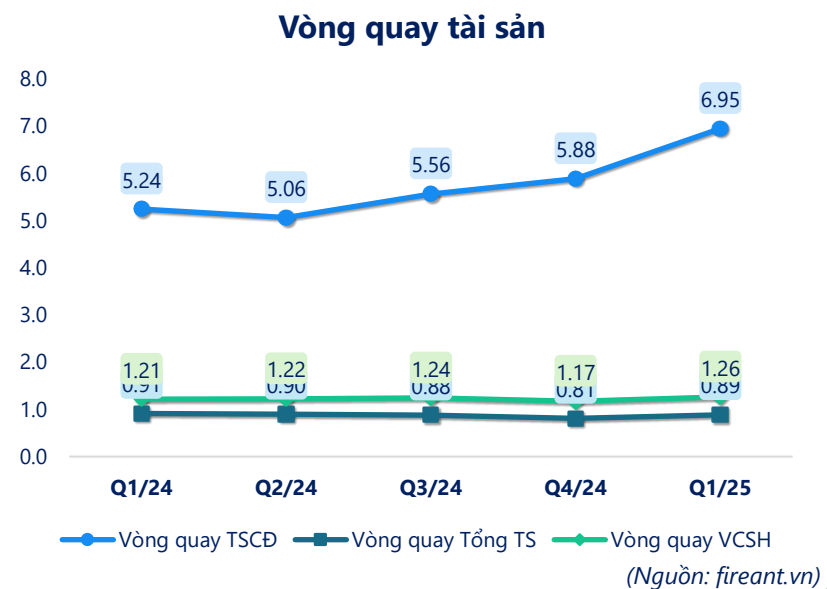
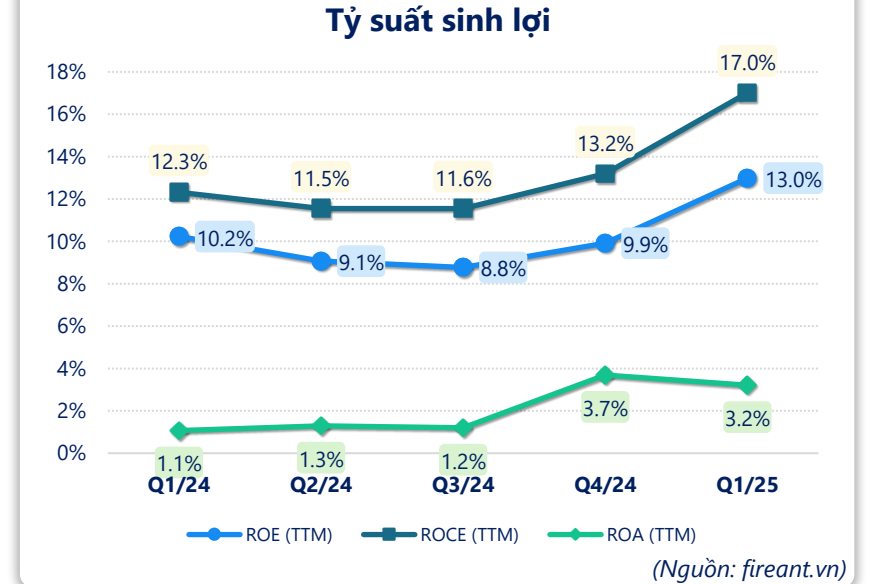
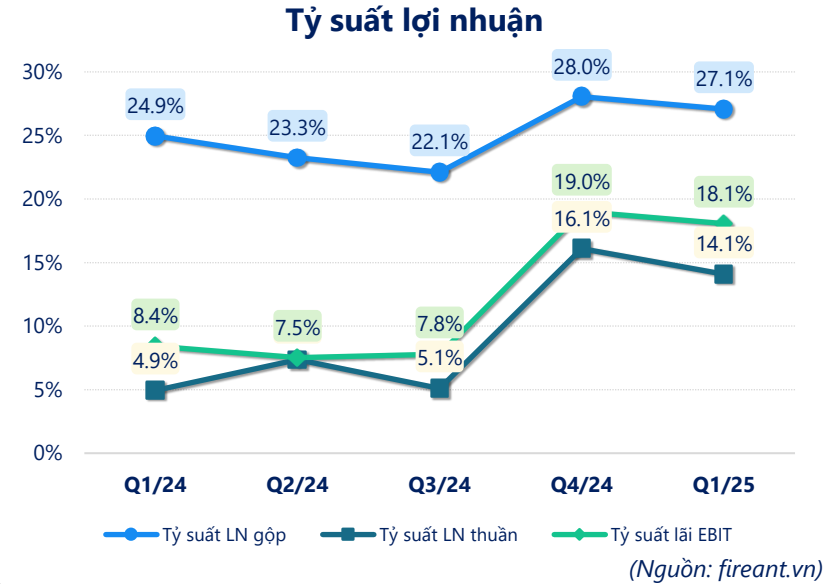
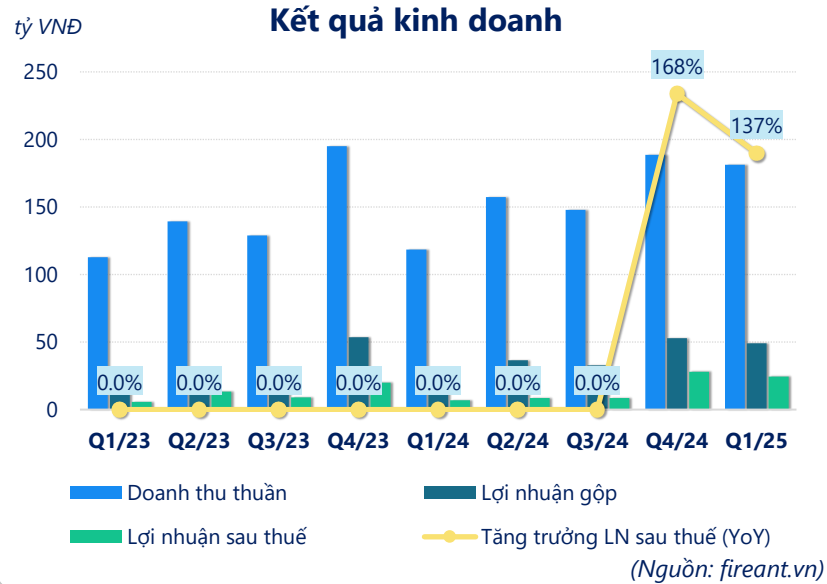


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,130
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,660
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,970
SL cổ phiếu LH		112,500,171
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,796,720
% sở hữu nước ngoài		2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		577
P/E		8.3
EPS		617

	YTD	1T	3T	6T
JVC	35.0%	16.1%	34.3%	54.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	836	828	1.0%
Tài sản ngắn hạn	527	562	-6.3%
Tiền và tương đương tiền	11.4	19.6	-42.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.18	0.18	2775%
Phải thu ngắn hạn	379	387	-2.2%
Hàng tồn kho	131	153	-14.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	2.40	-53.1%
Tài sản dài hạn	309	266	16.3%
Phải thu dài hạn	1.52	1.52	0.0%
Tài sản cố định	98.9	101	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.49	5.24	-71.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	189	140	35.0%
Tài sản dài hạn khác	18.2	17.8	2.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	272	288	-5.6%
Nợ ngắn hạn	263	288	-8.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	170	141	20.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.6	87.8	-40.1%
Nợ dài hạn	9.30	0.14	6792%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.00	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	564	540	4.5%
Vốn chủ sở hữu	564	540	4.5%
Vốn điều lệ	1,125	1,125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	118	157	148	189	181
Giá vốn hàng bán	88.9	121	115	136	132
Lợi nhuận gộp	29.6	36.6	32.7	52.9	49.0
Doanh thu HĐTC	5.52	4.72	3.66	4.46	6.00
Chi phí TC	1.47	1.22	1.96	1.61	2.91
Chi phí lãi vay	1.45	1.19	1.22	1.58	2.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	18.1	15.9	13.8	8.50	15.4
Chi phí QLDN	9.62	12.6	13.1	16.9	11.2
LN thuần từ HĐKD	5.85	11.6	7.56	30.4	25.5
Lợi nhuận khác	2.67	-0.94	2.74	3.93	5.08
LN trước thuế	8.52	10.6	10.3	34.3	30.6
Lợi nhuận sau thuế	6.81	8.67	8.45	28.0	24.5
LNST của CĐ cty mẹ	6.81	8.66	8.44	27.9	24.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.0	15.6	47.1	17.4	-84.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-158	-11.6	-62.1	-46.2	38.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.24	2.64	13.0	39.7	37.9
Tiền đầu kỳ	153	4.07	10.7	8.69	19.6
Lưu chuyển tiền thuần	-149	6.65	-2.03	10.9	-8.22
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.07	10.7	8.69	19.6	11.4

(Nguồn: fireant.vn)